TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh

2/ Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Chị Mã Thị D, sinh năm 1987.

Bị đơn: Anh Mã Văn N, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị D; Vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2022, bản khai của nguyên đơn chị Mã Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mã Văn N cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Trí theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 19/3/2008. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N không lo làm ăn,

chơi bời nhậu nhẹt, có lúc dùng bạo lực, cầm dao đòi chém chị. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Mã Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Mã Thị Ngọc M, sinh ngày 22/11/2008 và Mã Nhật V, sinh ngày 11/6/2018. Hiện nay hai con đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi hai con. Về phần cấp dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2022, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nhưng tại bản khai ngày 15/02/2022 chị D xin rút phần tài sản chung và cùng ngày 15/02/2022 chị D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do anh Mã Văn N vắng mặt nên chị yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Mã Văn N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung và chia tài sản chung với bị đơn anh Mã Văn N. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung. Bị đơn có địa chỉ tại thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng*:* Bị đơn anh Mã Văn N đã được tống đạt các văn bản tố tụng và được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ anh N tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Mã Văn N.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị Mã Thị D và anh Mã Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 19/3/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mã Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo chị D trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không cùng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, anh N không lo làm ăn, chỉ chơi bời nhậu nhẹt, có lúc dùng bạo lực, cầm dao đòi chém chị. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ, cho anh N cơ hội sửa chữa nhưng anh N vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Mã Văn N.

Xét mâu thuẫn của chị D và anh N đã trầm trọng, thể hiện qua việc khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị D thì anh N không có ý kiến hay tác động gì để hàn gắn gia đình mà bỏ mặc; khi tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh N vắng mặt không tham dự hòa giải. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị Mã Thị D và anh Mã Văn N thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống chung. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mã Thị D.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung tên Mã Thị Ngọc M, sinh ngày 22/11/2008 và Mã Nhật V, sinh ngày 11/6/2018. Hiện nay hai con đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi hai con. Về phần cấp dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi vợ chồng chị D, anh N không còn chung sống với nhau thì hai con chung do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tại bản khai ngày 15/02/2022, cháu M trình bày nguyện vọng là khi ba mẹ ly hôn cháu muốn sống chung với mẹ, còn cháu V hiện nay còn nhỏ. Do đó, để không làm thay đổi môi trường sống của cháu M và cháu V nên giao hai con chung tên Mã Thị Ngọc M, sinh ngày 22/11/2008 và Mã Nhật V, sinh ngày 11/6/2018 cho chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Ngày 15/02/2022, chị Mã Thị D nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 15/02/2022, xét việc rút yêu cầu giải quyết về tài

sản chung của chị D là tự nguyện nên chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí*:* Chị Mã Thị D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Mã Văn N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Mã Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Mã Thị D. Chị Mã Thị D được ly hôn với anh Mã Văn N.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Mã Thị Ngọc M, sinh ngày 22/11/2008 và Mã Nhật V, sinh ngày 11/6/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Mã Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của chị Mã Thị D về việc yêu cầu chia tài sản chung gồm 02 mẹ con bò cái.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Mã Thị D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Mã Thị D số tiền 500.000đồng (năm trăm

nghìn đồng) do chị D đã nộp 800.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005881 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Anh Mã Văn N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Mã Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/5/2022). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- UBND xã C, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa